

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách  
nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 9)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 253/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân*

dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 1); số 331/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2022 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 2); số 394/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 3); số 427/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 4); số 529/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 5); số 576/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 6); số 599/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2024 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 7); số 638/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 8); số 681/NQ-HĐND ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 9);

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 4394/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa; số 2648/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 1); số 4646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 2); số 2697/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 3); số 3726/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư

*công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 4); số 2570/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 5); số 4271/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 6); số 5198/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 7); số 1261/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa (đợt 8); số 3438/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 11789/TTr-STC ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch: Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý giai đoạn 2021 - 2025 (vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh) điều chỉnh giảm của 02 dự án là 342.968 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch: Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý giai đoạn 2021 - 2025 (vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh) bổ sung, điều chỉnh tăng cho 02 dự án là 342.968 triệu đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Tài chính

a) Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của pháp luật về đầu tư công, thông báo điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của từng dự án cho các chủ đầu tư để tổ chức triển khai thực hiện.

b) Hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các chủ đầu tư lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công của các dự án theo quy định.

2. Kho Bạc Nhà nước khu vực XI thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ

việc giải ngân của các chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, phù hợp với mức vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, mức vốn hằng năm và mục tiêu đầu tư theo các quyết định giao kế hoạch hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các chủ đầu tư căn cứ danh mục và mức vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được thông báo, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với mức vốn được giao; hằng năm căn cứ mức vốn, mục tiêu đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XI và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TTr Tỉnh ủy; HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

Phụ lục: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO TỈNH QUẢN LÝ

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

| STT | Danh mục dự án, nguồn vốn                                                                        | Quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt quyết toán                                     |                                     |                                           | Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến năm 2020 |                              | Số vốn còn thiếu đến năm 2020  |                              | Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt |                                                                      |                                                     | Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 |                     | Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh |                                                                      |                                                     | Chủ đầu tư                                               |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                  | Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành                                               | Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán |                                           | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)                           | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh | Tổng số                                                                                                                         | Trong đó:                                                            |                                                     | Điều chỉnh giảm (-)                                             | Điều chỉnh tăng (+) | Tổng số                                                                                                                               | Trong đó:                                                            |                                                     |                                                          |
|     |                                                                                                  |                                                                                        | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)      | Trong đó: Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý |                                                          |                              |                                |                              |                                                                                                                                 | Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh | Vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước |                                                                 |                     |                                                                                                                                       | Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh | Vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước |                                                          |
|     | TỔNG SỐ                                                                                          |                                                                                        | 5.303.637                           | 3.607.473                                 | 129.930                                                  | 19.930                       | 3.084.060                      | 1.902.032                    | 1.434.159                                                                                                                       | 1.410.709                                                            | 23.450                                              | 342.968                                                         | 342.968             | 1.434.159                                                                                                                             | 1.410.709                                                            | 23.450                                              |                                                          |
| I   | ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN                                                                     |                                                                                        | 3.213.990                           | 1.921.962                                 | 129.930                                                  | 19.930                       | 3.084.060                      | 1.902.032                    | 1.434.159                                                                                                                       | 1.410.709                                                            | 23.450                                              | 342.968                                                         |                     | 1.091.191                                                                                                                             | 1.067.741                                                            | 23.450                                              |                                                          |
| a   | Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh                             |                                                                                        | 3.213.990                           | 1.921.962                                 | 129.930                                                  | 19.930                       | 3.084.060                      | 1.902.032                    | 1.434.159                                                                                                                       | 1.410.709                                                            | 23.450                                              | 342.968                                                         |                     | 1.091.191                                                                                                                             | 1.067.741                                                            | 23.450                                              |                                                          |
| 1   | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn              | 3033/QĐ-UBND ngày 10/8/2021; 1721/QĐ-UBND ngày 22/5/2023; 4648/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 | 971.990                             | 779.962                                   | 12.500                                                   | 12.500                       | 959.490                        | 767.462                      | 740.772                                                                                                                         | 740.772                                                              |                                                     | 272.374                                                         |                     | 468.398                                                                                                                               | 468.398                                                              |                                                     | Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN |
| 2   | Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa                                 | 4500/QĐ-UBND ngày 22/10/2020; 1178/QĐ-UBND ngày 19/4/2025                              | 2.242.000                           | 1.142.000                                 | 117.430                                                  | 7.430                        | 2.124.570                      | 1.134.570                    | 693.387                                                                                                                         | 669.937                                                              | 23.450                                              | 70.594                                                          |                     | 622.793                                                                                                                               | 599.343                                                              | 23.450                                              | Sở Xây dựng                                              |
| II  | ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN                                                                     |                                                                                        | 2.089.647                           | 1.685.511                                 |                                                          |                              |                                |                              |                                                                                                                                 |                                                                      |                                                     |                                                                 | 342.968             | 342.968                                                                                                                               | 342.968                                                              |                                                     |                                                          |
| a   | Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh                             |                                                                                        | 2.089.647                           | 1.685.511                                 |                                                          |                              |                                |                              |                                                                                                                                 |                                                                      |                                                     |                                                                 | 342.968             | 342.968                                                                                                                               | 342.968                                                              |                                                     |                                                          |
| *   | Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025                                                        |                                                                                        | 2.089.647                           | 1.685.511                                 |                                                          |                              |                                |                              |                                                                                                                                 |                                                                      |                                                     |                                                                 | 342.968             | 342.968                                                                                                                               | 342.968                                                              |                                                     |                                                          |
| 1   | Cầu vượt đường sắt Bắc Nam và đường hai đầu cầu thuộc tuyến Đại lộ Đông Tây, thành phố Thanh Hóa | 11275/QĐ-UBND ngày 08/12/2023; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025                             | 647.120                             | 412.160                                   |                                                          |                              |                                |                              |                                                                                                                                 |                                                                      |                                                     |                                                                 | 160.000             | 160.000                                                                                                                               | 160.000                                                              |                                                     | Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đông Sơn                |
| 2   | Đại lộ Nam sông Mã giai đoạn 2, đoạn từ phường Quảng Hưng đến hết địa phận phường Quảng Tâm      | 8019/QĐ-UBND ngày 13/9/2024; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025                               | 1.442.527                           | 1.273.351                                 |                                                          |                              |                                |                              |                                                                                                                                 |                                                                      |                                                     |                                                                 | 182.968             | 182.968                                                                                                                               | 182.968                                                              |                                                     | Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Đông Sơn                |